TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, Thư ký Toà án.

- Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2024, tại trụ sở; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ dân sự thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/QĐST-HNGĐ ngày 10/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989; (có mặt)

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh H.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013. (vắng mặt)
- Cháu Vũ Đức H, sinh ngày 06/01/2015. (vắng mặt)
- Cháu Vũ Minh N, sinh ngày 21/9/2018. (vắng mặt)

Đăng ký HKTT: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh H.

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh H;

- Cháu Vũ Đức H, sinh ngày 10/3/2020. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh H.

Người đại diện hợp pháp của cháu V, cháu H, cháu N, cháu H: Anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị L - Là bố mẹ đẻ của các cháu.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện C, tỉnh H;

- Ông Vũ Đức K, sinh năm 1956; (vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Cự, sinh năm 1956; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L; bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Vũ Văn Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày quan điểm: Chị và anh Vũ Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/3/2013 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Quá trình chung sống, sau khi sinh cháu thứ nhất vào năm 2013 tình cảm vợ chồng chị đã trục trặc do anh Q chơi đánh bạc tuy nhiên mâu thuẫn khi đó chưa lớn, đến giữa năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Q vẫn tiếp tục chơi đánh bạc ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế của gia đình, đến khi chị phát hiện ra thì anh Q đã không còn khả năng thanh toán trả nợ được nữa, tài sản duy nhất của vợ chồng mua được chiếc xe ô tô tải để đi bán hàng rau thì năm 2022 anh Q đã bán đi để trả nợ. Ngoài ra, anh Q không quan tâm, chia sẻ và không giúp đỡ mẹ con chị được công việc gì trong gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị và gia đình nhà chồng đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Q vẫn tiếp tục chơi đánh bạc. Đầu tháng 6/2022 chị đưa các con về bên ngoại ở H chơi, vì chán nản nên chị cũng không muốn quay lại chung sống cùng anh Q nữa. Vợ chồng chị chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, anh Q thi thoảng có gọi điện cho chị để hỏi thăm về các con, còn tình cảm vợ chồng thì không còn quan tâm và không còn trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ quan điểm yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn Q theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn anh Vũ Văn Q trình bày quan điểm: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện ký kết hôn vào ngày 13/3/2013 tại UBND xã N, huyện P theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng anh bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 6 năm 2022 năm mẹ con chị L đưa nhau về nhà bố mẹ đẻ chị L bên H chơi và sau đó chị L không quay về chung sống cùng với anh nữa. Nguyên nhân là do trước đó anh có chơi số lô, số đề dẫn đến nợ nần pH bán xe ô tô đi để trả nợ, khi chị L biết việc anh nợ nần thì chị L không muốn quay về chung sống cùng với anh nữa. Từ khi chị L về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay, đã nhiều lần anh và gia đình anh sang nói chuyện để xin đón mẹ con chị L về nhưng chị L cương quyết không quay về. Nay chị L có đơn xin ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L nên không nhất trí ly hôn, trường hợp chị L cương quyết ly hôn anh thì đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

- Về con chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Vũ Văn Q xác nhận vợ chồng có 04 con chung là các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013,

Vũ Đức H sinh, ngày 06/01/2015, Vũ Minh N, sinh ngày 21/9/2018, Vũ Đức H, sinh ngày 10/3/2020. Hiện nay cháu V, cháu H, cháu N đang ở với chị L, còn cháu H đang ở với anh Q. Ly hôn, chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, cháu H, cháu N, còn để anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, chị L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/11/2023 anh Q có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu (Toà án giao hai cháu nào anh cũng nhất trí), anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên hoà giải ngày 19/12/2023 anh Q thay đổi quan điểm, anh đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết, Toà án giao cho anh nuôi cháu nào thì anh cũng nhất trí.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị L và anh Q đều có chung quan điểm xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Tiến N (là bố đẻ chị L) trình bày:

Sau khi kết hôn, quá trình chị L, anh Q chung sống đến năm 2015 ông thấy tình cảm vợ chồng đã xảy ra trục trặc, nguyên nhân theo ông nắm được là do anh Q không quan tâm gì đến gia đình, đến vợ con mà còn chơi đánh bạc ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, chị L cũng đã có vài lần pH đưa con về nhà ông ở nhờ, lần gần đây nhất là vào tháng 6 năm 2022, chị L và 04 con của chị L về nhà ông ở nhờ, sau đó gia đình nhà chồng chị L có đón cháu Vũ Đức H về Hưng Yên chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng chị L chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, từ khi vợ chồng chị L sống ly thân, cũng có hai lần anh Q đến thăm con và thi thoảng có gọi điện hỏi thăm con. Mâu thuẫn của vợ chồng chị L gia đình thông gia hai bên cũng đã gặp gỡ, động viên khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng chị L, anh Q không được cải thiện. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Q đề nghị Toà án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết, gia đình ông không có ý kiến gì. Vợ chồng chị L có 04 con chung là các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013, Vũ Đức H sinh ngày 06/01/2015, Vũ Minh N sinh ngày 21/9/2018, Vũ Đức H sinh ngày 10/3/2020. Hiện nay cháu V, cháu H, cháu N đang ở với chị L và gia đình ông, còn cháu H đang ở với anh Q. Trường hợp chị L và anh Q ly hôn nhau, chị L được nuôi cả 04 con hoặc 03 con thì gia đình ông tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho mẹ con chị L. Hiện nay nhà ông có ngôi nhà 02 tầng, tổng diện tích khoảng 300m^2, hiện chỉ có vợ chồng ông và mẹ con chị L ở nên có điều kiện về nơi ăn, chốn ở cho mẹ con chị L. Theo ông nắm được thì vợ chồng chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì cho gia đình ông, gia đình ông không cho vợ chồng chị L vay nợ và cũng không vay nợ vợ chồng chị L; mặc dù gia đình ông có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các con của chị L nhưng gia đình ông tự nguyện không yêu cầu vợ chồng chị L pH trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng các con của anh Q, chị L và cũng không yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề tài sản với vợ chồng chị L, anh Q.

- Ông Vũ Đức K, bà Nguyễn Thị Cư (là bố mẹ đẻ anh Q) trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Q về sống chung cùng gia đình ông bà, quá trình chung sống tình cảm vợ chồng anh Q bình thường, không xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, tuy nhiên ông bà nhận thấy giữa anh Q và chị L sống với nhau không có sự bàn bạc, chia sẻ trong cuộc sống gia đình. Đến khoảng tháng 6/2022 vợ chồng anh Q, chị L xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q chơi số lô, số đề dẫn đến nợ nần pH bán cả xe ô tô đi để trả nợ, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh Q mải mê điện thoại mà không quan tâm gì đến gia đình, vợ con nên chị L bức xúc đã đưa các con về ở nhờ bố mẹ đẻ bên H, vợ chồng anh Q chị L sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung. Vợ chồng chị L anh Q có 04 con chung là các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013, Vũ Đức H sinh ngày 06/01/2015, Vũ Minh N sinh ngày 21/9/2018, Vũ Đức H sinh ngày 10/3/2020. Hiện nay cháu V, cháu H, cháu N đang ở với chị L, còn cháu H đang ở với anh Q và gia đình ông. Trường hợp anh Q, chị L ly hôn, anh Q được nuôi cháu H thì gia đình ông, bà vẫn sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn chỗ ở cho bố con anh Q. Mặc dù vợ chồng ông chăm sóc cháu H con của anh Q, chị L từ tháng 6/2022 cho đến nay nhưng gia đình ông không có yêu cầu, đề nghị gì đối với anh Q, chị L về công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Vợ chồng anh Q, chị L không có tài sản chung, trong thời gian vợ chồng anh Q chung sống cùng gia đình ông bà không có công sức đóng góp gì, giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng anh Q, chị L không liên quan gì về vấn đề tài sản, công nợ nên ông bà không có yêu cầu, đề nghị gì.

UBND xã N cung cấp thông tin:

Anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 13/3/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Anh Q và chị L có 04 con chung là các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013, Vũ Đức H sinh, ngày 06/01/2015, Vũ Minh N, sinh ngày 21/9/2018, Vũ Đức H, sinh ngày 10/3/2020. UBND xã chưa khi nào nhận được đơn đề nghị của vợ chồng anh Q, chị L đề nghị giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng cũng như về vấn đề tài sản chung nên địa phương không nắm được anh Q, chị L mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản gì chung hay không. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh Q, UBND xã N đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

+ Nguyên đơn chị L trình bày quan điểm: Đến nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Q nên chị vẫn giữ quan điểm yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q; về con chung, chị và anh Q có 04 con chung, ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, cháu H, cháu N, chị nhất trí giao cháu H cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh Q không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Bị đơn anh Q trình bày quan điểm: Về quan hệ hôn nhân, anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn do trước đó anh có chơi bời ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, ngoài ra do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất, bản thân chị L cũng có một phần lỗi không quan tâm gì đến công việc của gia đình nhà chồng, nay chị L vẫn giữ quan điểm xin ly hôn thì anh xác định

cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị L nên anh cũng nhất trí ly hôn; về con chung: Vợ chồng anh có 04 con chung như chị L trình bày là đúng, ly hôn anh xin được nuôi hai cháu, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật xem xét, giải quyết, Toà án giao cho anh nuôi cháu nào anh cũng nhất trí, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, cho chị L được ly hôn với anh Vũ Văn Q. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị L, giáo cháu V, cháu H, cháu N cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu V, H, N đủ 18 tuổi; giao cháu H cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L pH chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Toà án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Vũ Văn Q, anh Q đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại thôn H, xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn Q đăng ký kết hôn ngày 13/3/2013 tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Hưng Yên theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Q là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng giữa anh Q và chị L bình thường, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L và anh Q xác nhận chủ yếu về vấn đề kinh tế, anh Q chơi số lô, số đề ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình, chị L và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn anh Q nhưng không được. Ngoài ra, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, từ tháng 6/2022 cho đến nay chị L và anh Q sống ly thân nhau mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không có trách nhiệm với nhau. Chị L có đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q, quá trình Toà án lấy lời khai và hoà giải, anh Q xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị L và vì con cái nên anh không nhất trí ly hôn với chị L, tại phiên toà, anh Q thay đổi quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L cương quyết xin ly hôn anh thì anh cũng nhất trí. HĐXX xét thấy: Mâu thuẫn của vợ chồng chị L, anh Q đã thực sự trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bởi lẽ, vợ chồng pH có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, giúp đỡ nhau và chung sống cùng nhau nhưng từ tháng 6/2022 cho đến nay anh Q và chị L sống ly thân nhau. Mặt khác, trong thời gian sống ly thân nhau cả chị L và anh Q không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn quan tâm và không còn trách nhiệm gì với nhau. Do vậy, chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Q là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn Q xác nhận, vợ chồng có 04 con chung là các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013, Vũ Đức H sinh, ngày 06/01/2015, Vũ Minh N, sinh ngày 21/9/2018, Vũ Đức H, sinh ngày 10/3/2020. Hiện nay cháu V, cháu H, cháu N đang ở với chị L, cháu H đang ở với anh Q. Ly hôn, chị L có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, cháu H, cháu N, chị L nhất trí giao cháu H cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Q có quan điểm xin nuôi dưỡng 02 con chung, Toà án giao cho anh nuôi cháu nào anh cũng nhất trí. HĐXX xét thấy: Hiện nay chị L đang đi làm công nhân gần nơi mẹ con chị L ở ngoài H, chị L xuất trình bảng lương hàng tháng thu nhập bình Q khoảng từ 7 đến 8,5 triệu đồng/tháng, còn anh Q làm nghề lái xe đường dài Bắc - Nam như anh Q trình bày vài tuần hoặc có khi cả tháng anh mới về nhà một lần, con anh nhờ ông bà nội trông nom, anh Q trình bày thu nhập hàng tháng từ khoảng 10 đến 12 triệu đồng/tháng nhưng tính đến ngày xét xử anh Q không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập của anh Q. Như vậy, xét về điều kiện mọi mặt thì chị L có thời gian, điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con hơn anh Q. Toà án đã tiến hành lấy lời khai của cháu V, cháu H là con chung của chị L, anh Q, các cháu đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị L. Mặt khác, các cháu V, H, N hiện nay đang ở và học ổn định tại Thanh Miện, H là nơi chị L ở và làm việc, còn cháu H đang học và ở ổn định tại N, P, Hưng Yên là nơi anh Q đang cư trú. Khi chị L, anh Q ly hôn, để các con của anh Q, chị L ổn định cuộc sống, tránh ảnh hưởng đến việc học tập của các cháu do thay đổi môi trường sống và học tập và cũng là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của anh Q, chị L và nguyện vọng của các cháu nên cần tiếp tục giao cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu V, cháu H, cháu N, còn giao cho anh Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H cho đến khi các cháu V, H, N, H đủ 18 tuổi. Cả chị L và anh Q đều không yêu cầu bên nào pH cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị L và anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L, bị đơn anh Vũ Văn Q đều xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L pH chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Vũ Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Vũ Thanh V, sinh ngày 17/12/2013, cháu Vũ Đức H sinh, ngày 06/01/2015, cháu Vũ Minh N, sinh ngày 21/9/2018 cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V, cháu H, cháu N đủ 18 tuổi; giao cháu Vũ Đức H, sinh ngày 10/3/2020 cho anh Vũ Văn Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L và anh Q không pH cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị L và anh Vũ Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Các bên đương sự tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L pH chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0006292, ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Mạnh Quyền